

Bảng thông số sản phẩm

Thông số kỹ thuật



control relay, TeSys K, 4P(4NO),
≤690V, 48V AC coil

CA2KN40E7

Main

| | |
|--------------------------------|------------------|
| Range | TeSys |
| Product name | TeSys CAK |
| product or component type | Control relay |
| Device short name | CA2K |
| contactor application | Control circuit |
| Utilisation category | DC-13 AC-15 |
| Pole contact composition | 4 NO |
| [Ue] rated operational voltage | ≤ 690 V ≤ 400 Hz |
| Control circuit type | AC at 50/60 Hz |
| [Uc] control circuit voltage | 48 V AC 50/60 Hz |

Complementary

| | |
|---|--|
| [Ith] conventional free air thermal current | 10 A (at 50 °C) |
| Irms rated making capacity | 110 A conforming to IEC 60947 |
| Associated fuse rating | 10 A gG conforming to IEC 60947 10 A gG conforming to VDE 0660 |
| [Ui] rated insulation voltage | 690 V conforming to IEC 60947 750 V conforming to VDE 0110 group C 690 V conforming to BS 5424 600 V conforming to CSA C22.2 No 14 |
| mounting support | Rail Plate |
| Connections - terminals | Screw clamp terminals 1 cable(s) 1.5...4 mm ² solid Screw clamp terminals 2 cable(s) 1.5...4 mm ² solid Screw clamp terminals 1 cable(s) 0.75...4 mm ² flexible with cable end Screw clamp terminals 2 cable(s) 0.75...4 mm ² flexible without cable end Screw clamp terminals 1 cable(s) 0.34...1.5 mm ² flexible with cable end Screw clamp terminals 2 cable(s) 0.34...1.5 mm ² flexible without cable end |
| Tightening torque | 1.3 N.m - on screw clamp terminals - with screwdriver flat Ø 6 mm 1.3 N.m - on screw clamp terminals - with screwdriver Philips No 26 mm 1.3 N.m - on screw clamp terminals - with screwdriver pozidriv No 2 |
| Control circuit voltage limits | Drop-out: 0.2...0.75 U _c (at <50 °C) Operational: 0.8...1.15 U _c (at <50 °C) |
| Operating time | 10...20 ms coil de-energisation and NO opening 10...20 ms coil energisation and NO closing |
| Mechanical durability | 10 Mcycles |
| Maximum operating rate | 10000 cyc/h |

| | |
|---------------------------------|-------------------|
| Immunity to microbreaks | 2 ms |
| Inrush power in VA | 30 VA (at 20 °C) |
| Hold-in power consumption in VA | 4.5 VA (at 20 °C) |
| Heat dissipation | 1.3 W |
| Minimum switching voltage | 17 V |
| Minimum switching current | 5 mA |
| Non overlap distance | 0.5 mm |
| Insulation resistance | > 10 MOhm |
| Height | 58 mm |
| Width | 45 mm |
| Depth | 57 mm |
| net weight | 0.18 kg |

Environment

| | |
|---------------------------------------|--|
| Standards | EN/IEC 60947-4-1 GB/T 14048.4 UL 60947-4-1 CSA C22.2 No 60947-4-1 JIS C8201-4-1 |
| Product certifications | CB Scheme CCC UL CSA EAC CE UKCA |
| IP degree of protection | IP2X |
| Protective treatment | TC conforming to IEC 60068 |
| Ambient air temperature for operation | -25...50 °C |
| Ambient air temperature for storage | -50...80 °C |
| Operating altitude | 2000 m without derating |
| Flame retardance | V1 conforming to UL 94 Requirement 2 conforming to NF F 16-101 Requirement 2 conforming to NF F 16-102 |
| Mechanical robustness | Vibrations contactor open: 2 Gn, 5...300 Hz conforming to IEC 60068-2-6 Vibrations contactor closed: 4 Gn, 5...300 Hz conforming to IEC 60068-2-6 Shocks contactor open: 10 Gn for 11 ms conforming to IEC 60068-2-27 Shocks contactor closed: 15 Gn for 11 ms conforming to IEC 60068-2-27 |

Packing Units

| | |
|------------------------------|-----------|
| Unit Type of Package 1 | PCE |
| Number of Units in Package 1 | 1 |
| Package 1 Height | 6.600 cm |
| Package 1 Width | 4.800 cm |
| Package 1 Length | 6.200 cm |
| Package 1 Weight | 179.000 g |
| Unit Type of Package 2 | S02 |
| Number of Units in Package 2 | 50 |

| | |
|------------------|-----------|
| Package 2 Height | 15.000 cm |
| Package 2 Width | 30.000 cm |
| Package 2 Length | 40.000 cm |
| Package 2 Weight | 9.350 kg |

Contractual warranty

| | |
|----------|-----------|
| Warranty | 18 months |
|----------|-----------|

Bền vững

Nhãn **Green Premium™** là cam kết của Schneider Electric trong việc cung cấp sản phẩm với hiệu suất môi trường tốt nhất. Green Premium cam kết tuân thủ các quy định mới nhất, minh bạch về tác động môi trường, cũng như các sản phẩm tuần hoàn và CO₂ thấp.

Hướng dẫn đánh giá tính bền vững của sản phẩm là tài liệu kỹ thuật phổ thông giúp làm rõ các tiêu chuẩn nhãn sinh thái toàn cầu và cách diễn giải việc khai báo môi trường.

[Tìm hiểu thêm về Green Premium >](#)

[Hướng dẫn đánh giá về sự bền vững của sản phẩm >](#)



Minh bạch **RoHS/REACH**

Hiệu suất sức khỏe

Reach Free Of Svhc

Toxic Heavy Metal Free

Mercury Free

Rohs Exemption Information Yes

Chứng nhận & Tiêu chuẩn

Reach Regulation

[REACH Declaration](#)

Eu Rohs Directive

Compliant

[EU RoHS Declaration](#)

China Rohs Regulation

[China RoHS declaration](#)

Pro-active China RoHS declaration (out of China RoHS legal scope)

Environmental Disclosure

[Product Environmental Profile](#)

Weee

The product must be disposed on European Union markets following specific waste collection and never end up in rubbish bins

Circularity Profile

[End of Life Information](#)